TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 07/9/2023.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lữ Đình Tính.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Vịnh.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hương. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 09 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/05/2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2023 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Trần Thị C. Sinh năm:1981.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng).

- **Bị đơn**: Anh Lê Thanh D. Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh D sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, chính thức về chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/04 ngày 26/04/2004. Trong quá trình chung sống với nhau đến năm 2010 vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D thường xuyên tụ tập bạn bè không lo làm ăn, không chăm lo gia đình, chị đã khuyên nhủ anh D rất nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi nên từ đó vợ chồng rất hay cãi vả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do sống chung không hạnh phúc nên chị và anh D đã sống ly thân từ cuối năm 2010 cho đến nay, ai biết bổn phận người đó không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không còn cơ hội quay về đoàn tụ nên chị C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh D.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Lê Ngọc D1, sinh ngày 12/09/1998; cháu Lê Thị D2, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Lê Ngọc D3, sinh ngày 06/09/2003. Hiện nay cả 3 cháu đều đã đủ 18 tuổi nên việc các cháu muốn ở cùng ai là quyền quyết định của các cháu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Krông Pắc đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Lê Thanh D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 6 năm 2023, đại diện ban tự quản Thôn 5, xã T cho biết: Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng chị C, anh D chung sống với nhau không hạnh phúc và đã ly thân hơn 10 năm, ai biết bổn phận người đó, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa nhưng nguyên nhân cụ thể dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng anh chị như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Nay chị C làm đơn ra Tòa án xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn theo quy định của pháp luật vì vợ

chồng anh chị đã sống ly thân thời gian quá lâu rồi nên cũng không còn cơ hội để quay về đoàn tụ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị C được ly hôn với anh Lê Thanh D. Về con chung: Cháu Lê Ngọc D1, sinh ngày 12/09/1998; cháu Lê Thị D2, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Lê Ngọc D3, sinh ngày 06/09/2003. Hiện nay, con chung của anh chị đã đủ 18 tuổi nên việc sống với cha hay mẹ là quyền lựa chọn của các cháu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Trần Thị C đề ngày 10/5/2023, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Thị C khởi kiện xin ly hôn anh Lê Thanh D có nơi cư trú tại Thôn 5, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Trần Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Thanh D đã được Toà án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên toà để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Lê Thanh D có đăng kí kết hôn tại UBND Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/04 ngày 26/04/2004. Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh D là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau, anh D thường xuyên tụ tập bạn bè không lo làm ăn, không chăm lo gia đình từ đó hai vợ chồng thường xuyên xãy ra cãi vả, xúc phạm nhau. Theo kết quả xác minh của chính quyền địa phương cho thấy vợ chồng chị C và anh D chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân hơn 10 năm. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn với anh D là có cơ sở pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị C, anh D có 03 con chung là cháu Lê Ngọc D1, sinh ngày 12/09/1998; cháu Lê Thị D2, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Lê Ngọc D3, sinh ngày 06/09/2003. Hiện nay cả ba cháu đều đủ 18 tuổi và sống tự lập nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị C không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị C phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị C được ly hôn với anh Lê Thanh D.

2. Về con chung: Đối với cháu Lê Ngọc D1, sinh ngày 12/09/1998; cháu Lê Thị D2, sinh ngày 01/01/2001 và cháu Lê Ngọc D3, sinh ngày 06/09/2003 hiện nay đã đủ 18 tuổi nên việc các cháu muốn ở cùng ai là quyền quyết định của các cháu, vì vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị C không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2021/0017044 ngày 16 tháng 05 năm 2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị C, bị đơn anh Lê Thanh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lữ Đình Tính

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Krông Pắc.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự.
- UBND xã H.
- Lưu hồ sơ vụ án.